

HOẠT ĐỘNG TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP VỀ HÌNH SỰ LIÊN QUAN ĐẾN TỘI PHẠM MUA BÁN NGƯỜI VÀ NHỮNG GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN YÊU CẦU TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP VỀ HÌNH SỰ ĐỐI VỚI TỘI PHẠM MUA BÁN NGƯỜI GIỮA VIỆT NAM VỚI NƯỚC NGOÀI

VŨ THỊ HẢI YẾN*

Trong những năm gần đây, tội phạm xuyên quốc gia nói chung và tội phạm mua bán người nói riêng có nhiều diễn biến phức tạp. Trong bối cảnh đó, hoạt động tương trợ tư pháp giữa các quốc gia là một đòi hỏi khách quan trong quá trình toàn cầu hoá. Trong phạm vi bài viết này, tác giả đánh giá thực trạng hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự liên quan đến tội phạm mua bán người của Việt Nam hiện nay và đưa ra một số kiến nghị, giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự liên quan đến tội phạm về mua bán người trong thời gian tới.

Từ khóa: Tương trợ tư pháp về hình sự, tội phạm mua bán người, Viện kiểm sát nhân dân, Luật tương trợ tư pháp năm 2007.

Ngày nhận bài: 04/6/2021; Biên tập xong: 10/6/2021; Duyệt đăng: 10/6/2021

In recent years, transnational crimes and human trafficking crimes in particular have had many complicated developments. In that context, mutual legal assistance between countries is an objective requirement in the globalization process. Within the scope of this article, the author assesses the current activities of mutual legal assistance in criminal matters related to human trafficking in Viet Nam, and shares some recommendations.

Keywords: Criminal mutual legal assistance, human trafficking crimes, the People Procurency, Law on Legal assistance on 2007.

Trong những năm gần đây, tội phạm mua bán người ngày càng có xu hướng gia tăng, diễn biến phức tạp, trở thành vấn nạn trên toàn cầu, nhiều quốc gia đã phải nâng cấp báo động tình trạng này. Trước đây, tội phạm mua bán người chỉ có buôn bán phụ nữ, nay đã xuất hiện tình trạng mua bán cả nam giới với mục đích mua bán để lấy tạng. Theo ước tính của Liên Hợp Quốc, mỗi năm trên thế giới có khoảng 800.000 đến 1.000.000 người bị mua bán, tương đương khoảng gần 3.000 người bị mua bán trong 01 ngày với lợi nhuận thu được vào khoảng 150 tỷ USD/năm¹.

Tình hình tội phạm mua bán người ở nước ta cũng diễn biến hết sức phức tạp, có chiều hướng gia tăng cả số vụ cũng như tính chất nghiêm trọng về phương thức và thủ đoạn phạm tội. Ở Việt Nam, thủ đoạn của bọn tội phạm là lợi dụng những phụ nữ trẻ tuổi ở vùng sâu, vùng xa, có hoàn cảnh khó khăn, hạn chế về hiểu biết pháp luật, hoặc do sinh con ngoài ý muốn, lợi dụng sự nhẹ dạ, mất cảnh giác của các nữ sinh; của một số người có nhu cầu đi lao động nước ngoài hoặc tìm việc làm; lợi dụng kẽ hở trong công tác quản lý nhà nước để môi giới hôn nhân, nhận con nuôi

¹ Tham khảo tại Trang: Baoquocte.vn số ra ngày 28/10/2019 – Báo điện tử Thế giới và Việt Nam của Bộ Ngoại giao.

^{*} Thạc sĩ, Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế và Tương trợ tư pháp về hình sự, Viện kiểm sát nhân dân tối cao

có yếu tố nước ngoài nhằm dụ dỗ, lừa gạt rồi bán nạn nhân ra nước ngoài hoặc đưa vào các tụ điểm trong nước ép làm gái mại dâm hoặc cưỡng bức lao động. Các đối tượng phạm tội hình thành nhiều đường dây băng nhóm liên tỉnh, xuyên biên giới, xuyên quốc gia lừa bán phụ nữ ép tham gia hoạt động mại dâm, bán làm vợ, để thuê, lừa bán nội tạng.

Tội phạm mua bán người chủ yếu là đưa người ra nước ngoài (chiếm khoảng gần 90%), tập trung chủ yếu qua các tuyến biên giới trên đất liền giữa Việt Nam với Trung Quốc chiếm trên 75%, sang Lào và Campuchia chiếm khoảng 11%, còn lại là mua bán người sang một số nước khác như Thái Lan, Malaysia, Nga²... Tội phạm mua bán người biến các nạn nhân trở thành đối tượng của cưỡng bức lao động trong các ngành như: Xây dựng, ngư nghiệp, nông nghiệp, khai thác mỏ, công nghiệp hàng hải..., chủ yếu ở Đài Loan, Malaysia, Hàn Quốc, Nhật Bản; một số vùng ở châu Âu và Vương quốc Anh với mức độ ít hơn; hoặc bóc lột tình dục trước khi nạn nhân đến được đích cuối cùng; nhiều người bị lừa gạt về các cơ hội lao động và sau đó bị bán cho các nhà thổ ở vùng biên giới. Một số phụ nữ Việt Nam ra nước ngoài để kết hôn theo môi giới quốc tế hoặc làm việc trong các nhà hàng, cơ sở massage, quán bar, karaoke, đã trở thành nô lệ giúp việc gia đình hoặc nô lệ tình dục³. Gần đây, tội phạm mua bán người ngày càng tích cực sử dụng mạng Internet, các trang web chơi game và đặc biệt là mạng xã hội để dụ dỗ các nạn nhân, lan rộng hoạt động

mua bán người và kiểm soát nạn nhân bằng cách hạn chế cho họ truy cập mạng xã hội, mạo danh họ phát tán thông tin sai lệch trên mạng xã hội.

Nhiệm vụ phòng, chống mua bán người đòi hỏi phải có sự hợp tác chặt chẽ giữa các quốc gia trong khu vực và trên toàn thế giới. Thời gian qua, Việt Nam đã có nhiều nỗ lực trong việc giáo dục, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, hoàn thiện hệ thống pháp luật trong nước, tham gia tích cực và có trách nhiệm vào các diễn đàn hợp tác quốc tế đa phương, song phương về đấu tranh phòng, chống tội phạm mua bán người; tăng cường hợp tác với các tổ chức quốc tế như: Tổ chức di cư quốc tế (IOM), Cao uỷ Liên Hợp Quốc về người tị nạn (UNHRC), Văn phòng Liên Hợp Quốc về phòng chống ma túy và tội phạm (UNODC), Tổ chức phụ nữ Liên Hợp Quốc (UN Women)... và các tổ chức phi chính phủ như: Quỹ toàn cầu nhằm chấm dứt tình trạng nô lệ hiện đại (GFEMS), Tổ chức tầm nhìn thế giới (World Vision) nhằm tranh thủ sự hỗ trợ về mặt kỹ thuật, tài chính trong các hoạt động nâng cao năng lực phòng, chống mua bán người của Việt Nam.

Do tội phạm mua bán người chủ yếu là đưa người ra nước ngoài nên đa số các vụ án xảy ra đều ít nhiều liên quan đến yếu tố nước ngoài và phải thực hiện các yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự nhằm thu thập thông tin, chứng cứ hay thực hiện các thủ tục tố tụng bên ngoài lãnh thổ Việt Nam. Tương trợ tư pháp về hình sự là một kênh chính thức và hiệu quả để được hỗ trợ làm rõ các đối tượng đồng phạm ở nước ngoài và tình trạng của nạn nhân, qua đó chứng minh cho hành vi phạm tội của các đối tượng trong

² Theo Báo cáo tổng kết 09 năm thi hành Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011 của Bộ Công an.

³ Theo Báo cáo thường niên về tình hình mua bán người năm 2020 của Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ đối với Việt Nam.

nước. Thực tiễn cho thấy, hoạt động này đã góp phần giải quyết triệt để các vụ án liên quan đến loại tội phạm này, tuy nhiên vẫn còn gặp nhiều khó khăn, thách thức và chưa đảm bảo tính kịp thời so với đòi hỏi của thực tiễn và yêu cầu của quy định pháp luật tố tụng hình sự.

1. Cơ sở pháp lý liên quan đến hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự

Pháp luật tương trợ tư pháp về hình sự Việt Nam được xây dựng dựa trên các quy định của pháp luật trong nước và các điều ước quốc tế có liên quan, cụ thể là:

1.1. Quy định của pháp luật trong nước

Hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự được điều chỉnh chủ yếu bởi Luật tương trợ tư pháp năm 2007 và Bộ luật tố tụng hình sự (BLTTHS) năm 2015.

Điều 17 Luật tương trợ tư pháp năm 2007 quy định: Phạm vi tương trợ tư pháp được áp dụng cho cả yêu cầu tương trợ của Việt Nam gửi nước ngoài và của nước ngoài gửi Việt Nam, bao gồm: Tổng đạt giấy tờ, hồ sơ, tài liệu liên quan đến các vụ việc hình sự; triệu tập người làm chứng, người giám định; thu thập, cung cấp chứng cứ; truy cứu trách nhiệm hình sự; trao đổi thông tin; các yêu cầu tương trợ tư pháp khác về hình sự.

Ngoài ra, theo quy định tại Phần thứ tám BLTTHS năm 2015 về hợp tác quốc tế trong tố tụng hình sự (từ Điều 491 đến Điều 508), tương trợ tư pháp còn bao gồm: Việc tiến hành tố tụng của người có thẩm quyền của Việt Nam ở nước ngoài và người có thẩm quyền của nước ngoài ở Việt Nam (Điều 495); Sự có mặt của người làm chứng, người giám định, người đang chấp hành án phạt tù tại Việt Nam ở nước ngoài; người làm chứng,

người giám định, người đang chấp hành án phạt tù tại nước ngoài ở Việt Nam (Điều 496); Xử lý tài sản do phạm tội mà có (Điều 502).

Quy định về Cơ quan Trung ương về tương trợ tư pháp về hình sự của Việt Nam:

Theo quy định tại Điều 64 Luật tương trợ tư pháp năm 2007, Viện kiểm sát nhân dân tối cao (VKSNDTC) có trách nhiệm “Tiếp nhận, chuyển giao, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện ủy thác tư pháp về hình sự; xem xét, quyết định việc thực hiện và yêu cầu Viện kiểm sát nhân dân và Cơ quan điều tra có thẩm quyền thực hiện ủy thác tư pháp về hình sự; từ chối hoặc hoãn thực hiện ủy thác tư pháp về hình sự theo thẩm quyền”. Theo đó, Vụ Hợp tác quốc tế và Tương trợ tư pháp về hình sự, VKSNDTC là đơn vị tham mưu cho Viện trưởng VKSNDTC thực hiện chức năng Cơ quan Trung ương về tương trợ tư pháp hình sự.

Điều 493 BLTTHS năm 2015 quy định cụ thể hơn vai trò của VKSNDTC trong hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự, theo đó: Viện kiểm sát nhân dân tối cao là Cơ quan Trung ương của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong lĩnh vực tương trợ tư pháp về hình sự và các hoạt động hợp tác quốc tế khác.

1.2. Quy định của các điều ước quốc tế

Bên cạnh các quy định pháp luật trong nước, những điều ước quốc tế đa phương, song phương là hợp phần quan trọng của khung pháp lý điều chỉnh hoạt động tương trợ tư pháp hình sự giữa Việt Nam với nước ngoài. Việt Nam đã ký kết và tham gia nhiều điều ước quốc tế về tương trợ tư pháp hình sự hoặc có các điều khoản về tương trợ tư pháp hình sự.

Việt Nam là thành viên của Công ước quốc tế của Liên Hợp Quốc về phòng, chống ma túy, Công ước của Liên Hợp Quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia (UNTOC) và Nghị định thư của Liên Hợp Quốc về phòng ngừa, trừng trị, trấn áp tội mua bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em (năm 2021), Công ước ASEAN về phòng, chống mua bán người (năm 2015), Công ước của Liên Hợp Quốc về chống tham nhũng (UNCAC), Hiệp định Tương trợ tư pháp về hình sự giữa các nước ASEAN (năm 2004). Các Công ước đa phương UNCAC và UNTOC đều khuyến nghị các quốc gia thành viên dành cho nhau sự tương trợ tối đa trong hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự và điều này cũng đã được ghi nhận trong nhiều Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự song phương mà Việt Nam đã ký kết.

Việt Nam hiện đã ký kết 14 Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự với các nước, trong đó có 09 Hiệp định tương trợ tư pháp điều chỉnh đa lĩnh vực gồm dân sự, hình sự, hôn nhân gia đình và lao động⁴ (đây là các hiệp định đã ký ở giai đoạn trước những năm 2000) và 14 Hiệp định tương trợ tư pháp điều chỉnh riêng về lĩnh vực tương trợ tư pháp hình sự⁵.

Những điều ước quốc tế này là cơ sở pháp lý trực tiếp, có ràng buộc về nghĩa vụ, bao gồm những điều khoản cụ thể, đầy đủ, hài hòa hóa pháp luật tương trợ tư pháp về hình sự giữa Việt Nam với các nước ký

kết; từ đó tạo điều kiện thuận lợi trong việc thực hiện các yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự của nhau. Trong thời gian tới, với nhiệm vụ được pháp luật quy định, VKSNDTC tiếp tục thúc đẩy các hoạt động đàm phán, ký kết các Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự với nước ngoài, nhất là các nước có quan hệ hợp tác hữu nghị truyền thống, đối tác chiến lược, các quốc gia láng giềng trong khu vực và các nước có đông cộng đồng người Việt đang sinh sống, học tập và làm việc.

2. Tình hình hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự liên quan đến tội phạm mua bán người

2.1. Công tác tiếp nhận, giải quyết yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng trong nước đề nghị nước ngoài hỗ trợ thực hiện

Theo số liệu thống kê của Vụ Hợp tác quốc tế và Tương trợ tư pháp về hình sự, VKSNDTC, trong giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2020, thông qua công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tương trợ tư pháp đã tiếp nhận, giải quyết 67 yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự liên quan đến tội phạm mua bán người của các cơ quan tiến hành tố tụng trong nước gửi cho cơ quan có thẩm quyền nước ngoài đề nghị thực hiện, chiếm khoảng hơn 10% trong tổng số yêu cầu đi trong giai đoạn này; trong đó có 32 yêu cầu liên quan đến hành vi tổ chức/môi giới đưa người ra nước ngoài trái phép, 35 yêu cầu liên quan đến hành vi mua bán người, bao gồm cả hành vi mua bán trẻ em dưới 16 tuổi. Địa phương có cơ quan tiến hành tố tụng lập nhiều yêu cầu loại này là các tỉnh có chung đường biên giới với Trung Quốc, Campuchia, các tỉnh miền tây Nam Bộ và một số tỉnh như: Bắc Ninh, Bắc Giang, Thanh Hóa, Nghệ An, Ninh Bình...

⁴ Gồm: Hiệp định ký với Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Tiệp Khắc (hiện là Cộng hòa Séc và Cộng hòa Slovakia kế thừa), Bulgaria, Ba Lan, Liên bang Nga, Trung Quốc, Ukraina, Mông Cổ, Belarus, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên.

⁵ Gồm: Hiệp định ký với Hàn Quốc, Ấn Độ, Vương quốc Anh và Bắc Ai-len, Algeria, Indonesia, Australia, Tây Ban Nha, Hungary, Pháp, Kazakhstan, Cuba, Mô-dam-bích, Campuchia và Lào.

Các yêu cầu đề nghị nước ngoài thực hiện chủ yếu nhằm thu thập thông tin nhân thân và tiền án, tiền sự, thu thập chứng cứ (lấy lời khai, cung cấp thông tin, tài liệu, đồ vật), tổng đạt giấy tờ. Các yêu cầu liên quan đến tội phạm mua bán người đa số gửi cơ quan có thẩm quyền Trung Quốc đề nghị thực hiện; một số yêu cầu gửi đi các nước Lào, Campuchia, Singapore, Úc, Malaysia...

Số liệu thống kê cho thấy, nhiều đơn vị thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra đã thực hiện tốt công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tương trợ tư pháp, kịp thời phối hợp với Cơ quan điều tra cùng cấp trong việc lập, gửi yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự đề nghị nước ngoài thực hiện phục vụ quá trình giải quyết các vụ án về mua bán người. Kết quả thực hiện tương trợ của nước ngoài đã giúp cho việc điều tra, truy tố, xét xử các vụ án về mua bán người của các cơ quan tiến hành tố tụng được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, góp phần tích cực trong công tác đấu tranh phòng, chống loại tội phạm này.

2.2. Công tác tiếp nhận, giải quyết yêu cầu tương trợ tư pháp hình sự của cơ quan tiến hành tố tụng nước ngoài đề nghị Việt Nam thực hiện liên quan đến tội phạm mua bán người

Trong giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2020, có 09 yêu cầu tương trợ liên quan đến tội phạm mua bán người của cơ quan có thẩm quyền nước ngoài gửi Việt Nam đề nghị hỗ trợ thực hiện, trong đó có 04 yêu cầu liên quan đến hành vi vượt biên trái phép/tổ chức nhập cảnh trái phép; 04 yêu cầu về hành vi mua bán người và 01 yêu cầu của Malaysia đề nghị hỗ trợ triệu tập người làm chứng là công dân Việt

Nam để giải quyết vụ án mua bán người tại Malaysia. VKSNDTC đã quan tâm thực hiện tốt công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tương trợ tư pháp trong quá trình tiếp nhận, kiểm tra, thẩm định yêu cầu đến của nước ngoài và việc thực hiện tương trợ của các cơ quan tiến hành tố tụng trong nước. Việc thực hiện tương trợ về phía Việt Nam cơ bản đáp ứng về thời hạn, kết quả, thủ tục theo yêu cầu của phía nước ngoài, góp phần đấu tranh phòng, chống có hiệu quả tội phạm về mua bán người, đồng thời khẳng định những nỗ lực của Việt Nam trong hợp tác quốc tế đấu tranh với loại tội phạm này. Ngoài ra, kết quả thực hiện tương trợ cho nước ngoài còn góp phần bảo vệ tốt quyền và lợi ích hợp pháp của công dân Việt Nam ở nước ngoài, các trường hợp là nạn nhân của tội phạm mua bán người.

3. Một số khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân trong công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tương trợ tư pháp đối với các vụ án về mua bán người

3.1. Khó khăn, vướng mắc

Mặc dù hợp tác quốc tế về phòng, chống mua bán người nói chung và tương trợ tư pháp liên quan đến tội phạm này nói riêng trong những năm qua đã đạt được những kết quả nhất định nhưng thực tế vẫn còn nhiều hạn chế, vướng mắc, đó là:

- Thứ nhất, kết quả tương trợ chưa đảm bảo tính kịp thời. Tội phạm mua bán người chủ yếu là tội phạm ẩn, rất ít trường hợp bị bắt quả tang nên khi người bị hại trốn được về và có đơn tố cáo thì đối tượng phạm tội mới bị phát hiện, điều tra, truy tố, chủ yếu là án truy xét nên rất khó điều tra. Một số trường hợp xác định được người phạm tội nhưng không xác định

được nạn nhân (do nạn nhân vẫn đang ở nước ngoài nên không lấy được lời khai), dẫn đến một số vụ án phải tạm đình chỉ, đình chỉ liên quan đến nước ngoài hoặc kéo dài thời gian giải quyết. Hầu hết các vụ án mua bán người có yếu tố nước ngoài nên việc thu thập chứng cứ ở nước ngoài gặp nhiều khó khăn, thậm chí nhiều vụ không thu thập được hoặc vi phạm thời hạn giải quyết vụ án dẫn đến vụ án không được xử lý một cách triệt để, toàn diện, nhất là không xử lý được các đối tượng là người nước ngoài và người Việt Nam sinh sống ở nước ngoài. Trong khi đó, việc thực hiện các yêu cầu xác minh, điều tra, thu thập chứng cứ do các cơ quan chức năng có thẩm quyền hai bên biên giới theo nguyên tắc có đi có lại, thậm chí sử dụng mối quan hệ ở địa phương thường nhanh hơn, thuận lợi hơn nhưng những tài liệu, thông tin có được bằng kênh này theo quy định của pháp luật thì không được sử dụng làm chứng cứ.

- *Thứ hai, hồ sơ yêu cầu tương trợ chưa đáp ứng đúng yêu cầu.* Chất lượng hồ sơ yêu cầu do nhiều cơ quan tiến hành tố tụng trong nước lập, gửi nước ngoài còn hạn chế, thiếu thông tin, tài liệu cần thiết, thông tin cá nhân người có liên quan không đầy đủ, không kèm theo bản dịch sang tiếng của nước được yêu cầu hoặc có bản dịch nhưng không bảo đảm chất lượng. Do đó, số lượng hồ sơ phải hướng dẫn lập lại còn nhiều, dẫn đến kéo dài thời gian đề nghị phía nước ngoài thực hiện tương trợ. Bên cạnh đó, phía nước ngoài yêu cầu phải đáp ứng đủ các điều kiện về mặt pháp lý theo quy định của pháp luật nước được yêu cầu. Quá trình trao đổi để bổ sung các thông tin, tài liệu theo đề nghị của nước ngoài cũng thường mất nhiều thời gian, ảnh hưởng không nhỏ đến thời hạn, tiến

độ giải quyết các vụ án hình sự của các cơ quan tiến hành tố tụng Việt Nam.

Đối với các vụ án mua bán người có bị can, bị cáo là người nước ngoài, việc lập yêu cầu tương trợ đề nghị nước ngoài cung cấp thông tin nhân thân và tiền án, tiền sự là bắt buộc để lập lý lịch bị can và làm căn cứ xác định các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, nhiều trường hợp, cơ quan lập yêu cầu không nêu rõ lý do, mục đích của việc thu thập những thông tin này hoặc không có thông tin về địa chỉ, từ đó dẫn đến việc nước được yêu cầu không thể cung cấp thông tin về nhân thân của cá nhân do được bảo mật theo pháp luật nước đó nếu bên yêu cầu không nêu ra được lý do, mục đích của việc thu thập.

- *Thứ ba, kênh liên hệ.* Một số cơ quan tiến hành tố tụng vẫn còn lúng túng trong cách thức gửi yêu cầu tương trợ cho nước ngoài; không gửi yêu cầu tương trợ qua Cơ quan Trung ương về tương trợ tư pháp hình sự theo quy định của pháp luật mà gửi tới các cơ quan khác như: Văn phòng Interpol Việt Nam, Sở Ngoại vụ, Cục Lãnh sự, Đại sứ quán hoặc Cơ quan lãnh sự nước ngoài hoặc gửi trực tiếp đến các cơ quan tiến hành tố tụng nước ngoài. Do đó, nhiều trường hợp yêu cầu tương trợ bị nước ngoài trả lại, không thực hiện hoặc có thực hiện nhưng không bảo đảm giá trị pháp lý của kết quả tương trợ. Trong khi đó, VKSNDTC không nắm được thông tin để phối hợp, liên hệ đôn đốc thực hiện.

3.2. Nguyên nhân

Những khó khăn, vướng mắc nêu trên là do một số nguyên nhân chính sau đây:

- *Nguyên nhân khách quan:*

+ Khác biệt về hệ thống pháp luật:

Ngoài việc lập, gửi yêu cầu tương trợ bảo đảm chất lượng, phù hợp với quy định của pháp luật trong nước và điều ước quốc tế có liên quan, việc thực hiện tương trợ có hiệu quả còn phụ thuộc nhiều vào thực tiễn thực thi pháp luật của các nước. Trong nhiều trường hợp, các cơ quan tố tụng lập yêu cầu tương trợ không thể đáp ứng được đòi hỏi của nước được yêu cầu về điều kiện, chuẩn mực pháp lý để việc tương trợ có thể thực hiện. Bên cạnh đó, yêu cầu tương trợ gửi đi phải đảm bảo nguyên tắc tội phạm kép. Đây là một nguyên tắc cơ bản được cộng đồng quốc tế thừa nhận và tuân thủ trong hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự. Qua theo dõi các yêu cầu tương trợ tư pháp hình sự mà Việt Nam gửi đi nước ngoài thời gian qua có thể thấy, một số quốc gia vẫn áp dụng đầy đủ nguyên tắc tội phạm kép đối với các yêu cầu tương trợ.

Ví dụ, theo quy định của Hiệp định tương trợ tư pháp về các vấn đề dân sự, hình sự năm 1998 giữa Việt Nam và Trung Quốc, VKSNDTC Trung Quốc là cơ quan đầu mối tiếp nhận, xử lý các yêu cầu tương trợ của Việt Nam. Điều này có nghĩa là khi tiếp nhận các yêu cầu tương trợ của Việt Nam, phía Trung Quốc sẽ nghiên cứu thẩm định hồ sơ yêu cầu, nếu xét thấy hành vi trong yêu cầu không cấu thành tội phạm theo quy định pháp luật Trung Quốc thì VKSNDTC Trung Quốc sẽ có công hàm yêu cầu Việt Nam bổ sung thông tin để chứng minh hành vi đó cũng cấu thành tội phạm theo quy định của pháp luật Trung Quốc. Pháp luật Trung Quốc chỉ coi mua bán người làm nô lệ tình dục, cưỡng bức lao động để lấy bộ phận cơ thể là tội phạm, chưa công nhận mua

bán người để phục vụ kết hôn bất hợp pháp với người bản địa nên các yêu cầu của Việt Nam liên quan đến các tội này sẽ bị phía Trung Quốc từ chối thực hiện. Hoặc theo quy định của pháp luật Hàn Quốc, hành vi vi phạm chế độ một vợ một chồng không được coi là tội phạm hình sự mà chỉ là vấn đề dân sự giữa các bên nên các yêu cầu của Việt Nam liên quan đến các tội mua bán người vì mục đích này cũng sẽ bị Hàn Quốc từ chối thực hiện với lý do không cấu thành tội phạm theo quy định của phía nước bạn.

+ Tương trợ tư pháp được thực hiện không có thời hạn: Pháp luật tương trợ tư pháp và thông lệ quốc tế không quy định thời hạn thực hiện tương trợ. Vì vậy, kể cả trường hợp yêu cầu tương trợ của Việt Nam gửi cho nước ngoài thực hiện theo nghĩa vụ ràng buộc bởi các điều ước quốc tế thì việc có kết quả tương trợ trong thời hạn mong muốn vẫn còn gặp khó khăn. Việc có kết quả tương trợ sớm hay muộn hoàn toàn phụ thuộc vào thiện chí hợp tác của phía nước ngoài đối với ta. Thời gian gửi yêu cầu và nhận kết quả thực hiện cũng như thời gian mà cơ quan có thẩm quyền của phía nước ngoài tiếp nhận, xử lý, thực hiện nội dung yêu cầu tương trợ cũng thường kéo dài. Đặc biệt là khi đại dịch COVID-19 bùng phát ở nhiều quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam, dịch vụ bưu chính quốc tế không đáp ứng chỉ tiêu về mặt thời gian, các cơ quan tư pháp nước ngoài cũng mất nhiều thời gian hơn để xử lý yêu cầu tương trợ của Việt Nam do ảnh hưởng của việc giãn cách xã hội.

+ Khung pháp lý về tương trợ tư pháp hình sự chưa hoàn thiện: Luật tương trợ tư pháp năm 2007 là cơ sở pháp lý của

hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự trong 10 năm qua. Tuy nhiên, thực tiễn thi hành cho thấy Luật này đã bộc lộ nhiều hạn chế, bất cập. Luật điều chỉnh cả 04 lĩnh vực là tương trợ tư pháp về dân sự, hình sự, dẫn độ và chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù. Đây đều là những lĩnh vực có tính chuyên ngành cao, có phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, nguyên tắc, trình tự, thủ tục áp dụng khác nhau nhưng lại quy định trong cùng một văn bản luật là chưa thực sự hợp lý. Kết cấu Luật như vậy làm hạn chế tính cụ thể, đầy đủ và có hệ thống của các quy định về tương trợ tư pháp hình sự và chưa thực sự tương thích với các Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự giữa Việt Nam với nước ngoài.

+ Khác biệt về ngôn ngữ: Do yêu cầu tương trợ phải được dịch ra ngôn ngữ nước ngoài nên chất lượng lập, gửi, thực hiện yêu cầu cũng gặp nhiều ảnh hưởng; nhiều địa phương không sẵn có các đơn vị dịch thuật chuyên ngành; việc biên dịch tài liệu bằng các thứ tiếng không phổ biến như: Séc, Ba Lan, Lào, Campuchia... còn gặp nhiều khó khăn.

- Nguyên nhân chủ quan:

+ Đối với các cơ quan tiến hành tố tụng: Nhận thức của một bộ phận cán bộ về ý nghĩa, tầm quan trọng của hoạt động hợp tác quốc tế nói chung và hoạt động tương trợ tư pháp hình sự nói riêng còn chưa đầy đủ, chưa nắm vững về chuyên môn, nghiệp vụ và quy định pháp luật liên quan; từ đó ảnh hưởng nhiều đến chất lượng, hiệu quả của quá trình lập, gửi, thực hiện yêu cầu.

+ Cơ chế phối hợp liên ngành: Do thiếu cơ sở pháp lý, cơ chế phối hợp giữa

Cơ quan Trung ương, cơ quan tố tụng lập yêu cầu, cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam trong quá trình lập, gửi, trao đổi thông tin, liên hệ đơn đốc giải quyết yêu cầu chưa thực sự thống nhất; từ đó phát sinh thêm khó khăn, vướng mắc, ảnh hưởng đến hiệu quả của hoạt động tương trợ.

4. Giải pháp, kiến nghị nâng cao hiệu quả hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự liên quan đến tội phạm về mua bán người

Trong thời gian tới, dự báo tình hình mua bán người tiếp tục diễn biến phức tạp và có xu hướng ngày càng gia tăng, do vậy các yêu cầu tương trợ tư pháp liên quan đến tội phạm này cũng sẽ ngày càng nhiều. Để nâng cao hiệu quả giải quyết các yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự nói chung và tội phạm liên quan đến mua bán người nói riêng, cần tập trung triển khai một số giải pháp trọng tâm sau:

- Một là, tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật tương trợ tư pháp về hình sự trong đội ngũ Điều tra viên, Kiểm sát viên để nâng cao nhận thức về ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác này. Trong đó, quán triệt và thực hiện tốt các quy định về tương trợ tư pháp hình sự trong Luật tương trợ tư pháp năm 2007, BLTTHS năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành; các Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự giữa Việt Nam với nước ngoài; các điều ước quốc tế đa phương có điều khoản tương trợ tư pháp về hình sự, đặc biệt là Công ước về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia năm 2000. Đây đều là các điều ước quốc tế đa phương có thể viện dẫn để lập yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự đối với tội mua bán người để đề nghị nước ngoài thực hiện; xây dựng

quy trình riêng về lập, gửi yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự liên quan đến tội phạm mua bán người.

- *Hai là*, tăng cường công tác phối hợp liên ngành, đặc biệt tăng tính chủ động và kịp thời trong công tác phối hợp giữa Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát, giữa hai cơ quan này với Vụ Hợp tác quốc tế và Tương trợ tư pháp về hình sự, VKSNDTC trong việc lập, gửi yêu cầu tương trợ cho nước ngoài; giữa Cơ quan Trung ương về tương trợ tư pháp hình sự của Việt Nam và nước ngoài nhằm bảo đảm hiệu quả quá trình liên hệ, đôn đốc thực hiện, có kết quả tương trợ.

- *Ba là*, tiếp tục nâng cao chất lượng lập hồ sơ yêu cầu gửi nước ngoài đề nghị thực hiện. Đối với yêu cầu tương trợ đề nghị cung cấp thông tin lý lịch và tiền án, tiền sự của bị can, bị cáo, cần trình bày rõ lý do, mục đích của nội dung tương trợ này để nước được yêu cầu có cơ sở thực hiện. Đối với các yêu cầu gửi Trung Quốc, các thông tin trong văn bản yêu cầu phải đầy đủ, chính xác và được dịch sang tiếng Trung giản thể, đặc biệt là thông tin về tên và địa chỉ của cá nhân, tổ chức liên quan đến việc thực hiện tương trợ; cần gửi theo văn bản yêu cầu các tài liệu bằng tiếng Trung thể hiện danh tính của cá nhân, tổ chức đó để tạo điều kiện cho các cơ quan có thẩm quyền của Trung Quốc thực hiện tương trợ.

- *Bốn là*, tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật trong nước về tương trợ tư pháp. Trước mắt, cần tập trung nghiên cứu xây dựng Luật tương trợ tư pháp về hình sự tách khỏi Luật tương trợ tư pháp năm 2007; xây dựng, ban hành các văn bản hướng dẫn các đạo luật có liên quan đến tương trợ tư pháp về hình sự, trong

đó có BLTTHS năm 2015 (Phần hợp tác quốc tế trong tố tụng hình sự); từ đó góp phần hoàn thiện khung pháp lý cho hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự của Việt Nam.

- *Năm là*, tiếp tục kiện toàn bộ máy làm công tác tương trợ tư pháp; thường xuyên tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ cho cán bộ làm công tác tương trợ tư pháp; tăng cường các điều kiện đảm bảo về cơ sở vật chất nhằm phục vụ tốt hơn cho hoạt động tương trợ tư pháp.

- *Sáu là*, tăng cường đàm phán, ký kết và thực hiện có hiệu quả các hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự, các điều ước quốc tế đa phương, các thoả thuận quốc tế về phòng, chống mua bán người; đồng thời tích cực tham gia các các diễn đàn hợp tác quốc tế song phương, đa phương, hợp tác với các cơ quan Liên Hợp Quốc và các tổ chức quốc tế. Thông qua việc hợp tác này sẽ giúp tiếp cận và chia sẻ thông tin về công tác phòng, chống mua bán người trên thế giới, đồng thời tranh thủ nguồn lực hỗ trợ kỹ thuật tiên bộ của các nước./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;
2. Bộ luật hình sự năm 2015;
3. Luật Tương trợ tư pháp năm 2007;
4. Báo cáo tổng kết 09 năm thi hành Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011 của Bộ Công an;
5. Báo cáo đánh giá thường niên về tình hình mua bán người năm 2020 của Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ đối với các nước và Việt Nam.